Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 04/05/2026 16:54:21 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1057/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực dịch vụ tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 31/2026/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định về phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực dịch vụ tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 2, 3 Mục 1 Phần I, Quyết định số 902/QĐ-BTC ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính và nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 1, 3 Mục 1, số thứ tự 5 Mục 2 Phần I, Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (để thực hiện theo dõi, đăng tải lên Cổng dịch vụ công Quốc gia);
- Cục CNTT (để đăng tải Cổng TTĐT);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, ĐCTC (3 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(kèm theo Quyết định số 1057/QĐ-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực dịch vụ tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	3.000029	Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Dịch vụ tài chính	Bộ Tài chính (Vụ Các định chế tài chính)	Số thứ tự 3 Mục 1 Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính
2	3.000027	Thủ tục đăng ký mới, duy trì hoặc loại bỏ tư cách nhà tạo lập thị trường.	Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Dịch vụ tài chính	Bộ Tài chính (Vụ Các định chế tài chính)	Số thứ tự 1 Mục 1 Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực dịch vụ tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được thay thế
Thủ tục hành chính cấp trung ương							
1	3.000038	Cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện	Cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung	Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung	Dịch vụ tài chính	Bộ Tài chính (Vụ Các định chế tài chính)	Số thứ tự 1, 2, 3 Phần I, Quyết định số 902/QĐ-BTC ngày 22/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính mới được ban hành, nội dung công bố thủ tục hành chính tại số thứ tự 5 Phần I, Quyết định số 309/QĐ-BTC ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1057/QĐ-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

Lĩnh vực dịch vụ tài chính

1. Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm

a) Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Trình tự thực hiện:

+ Doanh nghiệp nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

+ Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi năm (05) bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

+ Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan thẩm định, xem xét hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

++ Thông tin về cổ đông hoặc thành viên góp vốn.

++ Điều lệ doanh nghiệp.

++ Tài liệu chứng minh Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP.

++ Tài liệu chứng minh có đủ số lượng người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện về thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điều 20 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP:

++ Tài liệu chứng minh có đủ số lượng người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện về chuyên viên phân tích quy định tại Điều 21 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP.

++ Dự thảo các quy trình nghiệp vụ bao gồm:

+++ Quy trình làm việc của chuyên viên phân tích;

+++ Quy chế hoạt động của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm;

+++ Phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

+++ Quy trình xây dựng, đánh giá và cập nhật phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

+++ Bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức.

++ Phương án kinh doanh của doanh nghiệp[1].

+ Số lượng hồ sơ: 05 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi năm (05) bộ hồ sơ chính thức để thẩm định. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành có liên quan thẩm định, xem xét hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn có nhu cầu trở thành tổ chức cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm và có công văn thông báo cho doanh nghiệp trong trường hợp từ chối.

- Phí, lệ phí: không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm hoặc điều chỉnh, hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

---

[1] Không bao gồm địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Có vốn điều lệ thực góp tối thiểu bằng mức vốn pháp định quy định tại Điều 11 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP: Mức vốn pháp định của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm đối với hoạt động xếp hạng tín nhiệm là mười lăm (15) tỷ đồng, (ii) Mức vốn pháp định nêu trên chưa bao gồm mức vốn pháp định của các lĩnh vực kinh doanh khác mà doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

+ Cổ đông hoặc thành viên góp vốn đáp ứng điều kiện sau: (i) Tổ chức, cá nhân đã góp vốn sở hữu trên 5% vốn điều lệ thực góp của một (01) doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm thì không được góp vốn thành lập hoặc mua, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của một (01) doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm khác, (ii) Các tổ chức, cá nhân không được sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm, (iii) Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm khác.

+ Có Tổng giám đốc hoặc Giám đốc đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP[2]:

++ Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê hoặc quản trị kinh doanh.

++ Có ít nhất mười (10) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nêu trên.

+ Có tối thiểu năm (05) người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm quy định tại Điều 20 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP[3]:

++ Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm.

++ Có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nêu trên trong trường hợp các thành viên này có kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức xếp hạng tín nhiệm khác (đối với các trường hợp khác yêu cầu có bảy (07) năm kinh nghiệm).

+Có tối thiểu năm (05) người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện chuyên viên phân tích quy định tại Điều 21 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP[4]:

---

[2] Không bao gồm bản sao phiếu lý lịch tư pháp có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tài liệu chứng minh Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện.

Không bao gồm yêu cầu cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm đối với Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc.

3 Không bao gồm quy định là cán bộ, công chức, viên chức.

4 Không bao gồm quy định là cán bộ, công chức, viên chức.

++ Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm.

++ Có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nêu trên.

+ Có các quy trình nghiệp vụ đáp ứng quy định tại Điều 31 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP:

++ Quy trình làm việc của chuyên viên phân tích;

++ Quy chế hoạt động của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm bao gồm các nội dung: (i) Cơ chế biểu quyết của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm trong đó tối thiểu phải có trên 60% thành viên biểu quyết thông qua mỗi quyết định của Hội đồng; (ii) Cơ chế bầu chủ tịch Hội đồng xếp hạng tín nhiệm để điều hành hoạt động của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm; (iii) Cơ chế xử lý xung đột về lợi ích của chuyên viên phân tích và thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm (nếu có); (iv) Cơ chế bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm. Khi biểu quyết thông qua bậc xếp hạng tín nhiệm, cập nhật bậc xếp hạng tín nhiệm và báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm, Hội đồng xếp hạng tín nhiệm phải đảm bảo độc lập, khách quan, minh bạch và không chịu tác động bởi Tổng Giám đốc, Giám đốc, Hội đồng quản trị và Hội đồng thành viên của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm. Hội đồng xếp hạng tín nhiệm tự giải thể khi hợp đồng xếp hạng tín nhiệm kết thúc;

++ Phương pháp xếp hạng tín nhiệm bao gồm: Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải xây dựng phương pháp xếp hạng tín nhiệm để phân tích, đánh giá được khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm. Phương pháp xếp hạng tín nhiệm phải bao gồm cả phương pháp đánh giá định lượng và phương pháp đánh giá định tính. Phương pháp xếp hạng tín nhiệm phải đánh giá được các yếu tố rủi ro cơ bản và mức độ ảnh hưởng đến khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm, bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Rủi ro vĩ mô; (ii) Rủi ro thị trường và môi trường kinh doanh;(iii) Rủi ro chiến lược;(iv) Rủi ro quản trị;(v) Rủi ro nhân sự; (vi) Rủi ro tài chính; (vii) Rủi ro khác theo đánh giá của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm. Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải sử dụng phương pháp xếp hạng tín nhiệm có hệ thống và thống nhất cho từng loại nghĩa vụ nợ và từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Định kỳ doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm có trách nhiệm rà soát phương pháp xếp hạng tín nhiệm và các giả thuyết sử dụng để điều chỉnh nếu cần thiết. Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những nội dung cơ bản của phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

++ Quy trình xây dựng, đánh giá và cập nhật phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

++ Bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức: Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải ban hành và áp dụng bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức theo chuẩn mực của Ủy ban chứng khoán quốc tế (IOSCO) và công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải ban hành và áp dụng bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức cho hoạt động của doanh nghiệp, chuyên viên phân tích và thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm.

+ Có phương án kinh doanh bao gồm dự kiến các nguồn dữ liệu sử dụng[5].-

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một sộ Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

mẫu số 1 nđ 88.docx mẫu số 2 nđ 88.docx

[5] Không bao gồm yêu cầu có trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

b) Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Trình tự thực hiện:

+ Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

+ Đối với trường hợp doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 đến khoản 7 Điều 14 Nghị định 88/2014/NĐ-CP: trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính thẩm định, xem xét hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

(i) Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng:

+ Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (trừ trường hợp bị mất);

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu số 3.

(ii) Đối với trường hợp doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định 88/2014/NĐ-CP:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu số 1.

+ Danh sách cổ đông với số vốn điều lệ thực góp và tỷ lệ sở hữu doanh nghiệp của từng cổ đông.

+ Tài liệu chứng minh có vốn điều lệ thực góp tối thiểu bằng mức vốn pháp định quy định tại Điều 11 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP.

+ Điều lệ doanh nghiệp

+ Tài liệu chứng minh Có Tổng giám đốc hoặc Giám đốc đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện.

+ Tài liệu chứng minh có tối thiểu năm (05) người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm.

+ Tài liệu chứng minh có tối thiểu năm (05) người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện chuyên viên phân tích:

+ Có các quy trình nghiệp vụ đáp ứng quy định tại Điều 31 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP:

++ Quy trình làm việc của chuyên viên phân tích;

++ Quy chế hoạt động của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm;

++ Phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

++ Quy trình xây dựng, đánh giá và cập nhật phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

++ Bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng và trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định 88/2014/NĐ-CP.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm và có công văn thông báo cho doanh nghiệp trong trường hợp từ chối.

- Phí, lệ phí: không có.

- Tên mẫu đơn:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm (đối với trường hợp doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP).

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm (đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc hư hỏng).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp lại trong những trường hợp sau:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng;

+ Đối với trường hợp doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định 88/2014/NĐ-CP:

++ Có vốn điều lệ thực góp tối thiểu bằng mức vốn pháp định quy định tại Điều 11 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP: Mức vốn pháp định của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm đối với hoạt động xếp hạng tín nhiệm là mười lăm (15) tỷ đồng, (ii) Mức vốn pháp định nêu trên chưa bao gồm mức vốn pháp định của các lĩnh vực kinh doanh khác mà doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

++ Danh sách cổ đông với số vốn điều lệ thực góp và tỷ lệ sở hữu doanh nghiệp của từng cổ đông đáp ứng điều kiện sau: (i) Tổ chức, cá nhân đã góp vốn sở hữu trên 5% vốn điều lệ thực góp của một (01) doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm thì không được góp vốn thành lập hoặc mua, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của một (01) doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm khác, (ii) Các tổ chức, cá nhân không được sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm, (iii) Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không được góp vốn để thành lập doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm khác.

++ Điều lệ doanh nghiệp

++ Tài liệu chứng minh có Tổng giám đốc hoặc Giám đốc đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện sau[6]: (i) Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê hoặc quản trị kinh doanh, (ii) Có ít nhất mười (10) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nêu trên, bao gồm:

+++ Bản sao hợp đồng lao động có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+++ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng minh năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc trực tiếp ít nhất mười (10) năm

---

[6] Không bao gồm bản sao phiếu lý lịch tư pháp có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tài liệu chứng minh Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện.

trực tiếp trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê hoặc quản trị kinh doanh;

++ *Tài liệu chứng minh có tối thiểu năm (05) người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm*[7]*:*

+++ Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm.

+++ *Có ít nhất năm (05) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nêu trên trong trường hợp các thành viên này có kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức xếp hạng tín nhiệm khác (đối với các trường hợp khác yêu cầu có bảy (07) năm kinh nghiệm).*

++ *Tài liệu chứng minh có tối thiểu năm (05) người lao động đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện chuyên viên phân tích*[8]*:*

+++ Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, thống kê, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm.

+++ Có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực nêu trên.

++ Có các quy trình nghiệp vụ đáp ứng quy định tại Điều 31 Nghị định số 88/2014/NĐ-CP:

+++ Quy trình làm việc của chuyên viên phân tích;

+++ Quy chế hoạt động của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm bao gồm các nội dung: (i) Cơ chế biểu quyết của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm trong đó tối thiểu phải có trên 60% thành viên biểu quyết thông qua mỗi quyết định của Hội đồng; (ii) Cơ chế bầu chủ tịch Hội đồng xếp hạng tín nhiệm để điều hành hoạt động của Hội đồng xếp hạng tín nhiệm; (iii) Cơ chế xử lý xung đột về lợi ích của chuyên viên phân tích và thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm (nếu có); (iv) Cơ chế bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm. Khi biểu quyết thông qua bậc xếp hạng tín nhiệm, cập nhật bậc xếp hạng tín nhiệm và báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm, Hội đồng xếp hạng tín nhiệm phải đảm bảo độc lập, khách quan, minh bạch và không chịu tác động bởi Tổng Giám đốc, Giám đốc, Hội đồng quản trị và Hội đồng thành viên của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm. Hội đồng xếp hạng tín nhiệm tự giải thể khi hợp đồng xếp hạng tín nhiệm kết thúc;

+++ Phương pháp xếp hạng tín nhiệm bao gồm: Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải xây dựng phương pháp xếp hạng tín nhiệm để phân tích, đánh giá được khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của tổ chức được xếp

---

[7] Không bao gồm quy định là cán bộ, công chức, viên chức.

[8] Không bao gồm quy định là cán bộ, công chức, viên chức.

hạng tín nhiệm. Phương pháp xếp hạng tín nhiệm phải bao gồm cả phương pháp đánh giá định lượng và phương pháp đánh giá định tính. Phương pháp xếp hạng tín nhiệm phải đánh giá được các yếu tố rủi ro cơ bản và mức độ ảnh hưởng đến khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của tổ chức được xếp hạng tín nhiệm, bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Rủi ro vĩ mô; (ii) Rủi ro thị trường và môi trường kinh doanh;(iii) Rủi ro chiến lược;(iv) Rủi ro quản trị;(v) Rủi ro nhân sự; (vi) Rủi ro tài chính; (vii) Rủi ro khác theo đánh giá của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm. Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải sử dụng phương pháp xếp hạng tín nhiệm có hệ thống và thống nhất cho từng loại nghĩa vụ nợ và từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Định kỳ doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm có trách nhiệm rà soát phương pháp xếp hạng tín nhiệm và các giả thuyết sử dụng để điều chỉnh nếu cần thiết. Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp những nội dung cơ bản của phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

+++ Quy trình xây dựng, đánh giá và cập nhật phương pháp xếp hạng tín nhiệm;

+++ Bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức: Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải ban hành và áp dụng bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức theo chuẩn mực của Ủy ban chứng khoán quốc tế (IOSCO) và công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải ban hành và áp dụng bộ quy tắc chuẩn mực đạo đức cho hoạt động của doanh nghiệp, chuyên viên phân tích và thành viên Hội đồng xếp hạng tín nhiệm.- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



mẫu số 3 nđ 88.docx

c) Đối với điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

- Trình tự thực hiện:

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ Tài chính.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính thẩm định, xem xét hồ sơ để điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trong đó nêu rõ lý do Điều chỉnh;

++ Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp lần gần nhất;

++ Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm điều chỉnh.

- Phí, lệ phí: không có.

- Tên mẫu đơn:

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm phải làm thủ tục đề nghị Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành**

chính: Nghị định 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 của Chính phủ quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



mẫu số 4 nđ 88.docx

Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

2. Thủ tục đăng ký mới, duy trì hoặc loại bỏ tư cách nhà tạo lập thị trường

a) Đăng ký mới nhà tạo lập thị trường

- Trình tự thực hiện:

+ Từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 11 hàng năm, các tổ chức đủ điều kiện có nhu cầu trở thành nhà tạo lập thị trường gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính.

+ Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Tài chính kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản về việc bổ sung hồ sơ (nếu có).

+ Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính lựa chọn và công bố nhà tạo lập thị trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Bộ Tài chính có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ[9]:

++ Đơn đề nghị trở thành nhà tạo lập thị trường theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.

++ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam của 03 năm liền kề trước năm đăng ký trở thành nhà tạo lập thị trường.

++ Báo cáo về tình hình tham gia thị trường sơ cấp và thứ cấp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Tài chính kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản về việc bổ sung hồ sơ (nếu có). Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính lựa chọn và công bố nhà tạo lập thị trường trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Bộ Tài chính có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán có nhu cầu đăng ký mới nhà tạo lập thị trường.

---

[9] Không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính công bố nhà tạo lập thị trường và có công văn thông báo cho doanh nghiệp trong trường hợp từ chối.

- Phí, lệ phí: không.

- Tên mẫu đơn:

+ Đơn đề nghị trở thành nhà tạo lập thị trường.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Là ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

+ Có vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính được kiểm toán của ba năm liền kề trước năm đăng ký làm nhà tạo lập thị trường không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật liên quan;

+ Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm. Trường hợp tổ chức nhận sáp nhập hoặc hình thành sau chia, tách, hợp nhất thì thời gian hoạt động được tính cả thời gian trước khi chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất;

+ Tham gia mua công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường sơ cấp và giao dịch trên thị trường thứ cấp với khối lượng tối thiểu do Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:


mẫu số 1 nđ 95 2017.docx


mẫu số 2 nđ 95 2017.docx

b) Duy trì nhà tạo lập thị trường

- Trình tự thực hiện:

+ Từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 11 hàng năm, nhà tạo lập thị trường gửi Bộ Tài chính báo cáo về kết quả tham gia thị trường trong kỳ đánh giá từ ngày 01 tháng 11 năm liền kề đến ngày 31 tháng 10 năm hiện hành theo Mẫu số 03.

+ Căn cứ báo cáo của nhà tạo lập thị trường và cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đánh giá điều kiện duy trì tư cách nhà tạo lập thị trường và công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đối với những nhà tạo lập thị trường không đáp ứng đủ điều kiện, Bộ Tài chính có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Báo cáo về kết quả tham gia thị trường trong kỳ đánh giá từ ngày 01 tháng 11 năm liền kề đến ngày 31 tháng 10 năm hiện hành theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Bộ Tài chính đánh giá điều kiện duy trì tư cách nhà tạo lập thị trường và công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đối với những nhà tạo lập thị trường không đáp ứng đủ điều kiện, Bộ Tài chính có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà tạo lập thị trường.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính công bố nhà tạo lập thị trường.

- Phí, lệ phí: không.

- Tên mẫu đơn: Báo cáo năm của Nhà tạo lập thị trường.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Là ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

+ Có vốn chủ sở hữu thực có trên báo cáo tài chính được kiểm toán của ba năm liền kề trước năm đăng ký làm nhà tạo lập thị trường không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật liên quan;

+ Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm. Trường hợp tổ chức nhận sáp nhập hoặc hình thành sau chia, tách, hợp nhất thì thời gian hoạt động được tính cả thời gian trước khi chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất;

+ Tham gia mua công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường sơ cấp và giao dịch trên thị trường thứ cấp với khối lượng tối thiểu do Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của nhà tạo lập thị trường:

++ Tham gia dự thầu tại các phiên đấu thầu phát hành công cụ nợ của Chính phủ theo thông báo của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ;

++ Hàng năm tham gia mua (mua cho mình hoặc cho khách hàng) công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường sơ cấp và tham gia giao dịch trên thị trường thứ cấp với khối lượng tối thiểu theo thông báo của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ;

++ Thực hiện nghĩa vụ cam kết chắc chắn chào giá mua, chào giá bán hàng ngày đối với các công cụ nợ chuẩn theo thông báo của Bộ Tài chính trong từng thời kỳ.

++ Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua công cụ nợ của Chính phủ;

++ Thực hiện chế độ báo cáo năm và báo cáo định kỳ 6 tháng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



mẫu số 3 nđ 95 2017.docx

c) Thủ tục loại bỏ tư cách nhà tạo lập thị trường

- Trình tự thực hiện:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về một trong các nội dung sau đây nhà tạo lập thị trường phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính:

++ Bị thu hồi hoặc bị rút Giấy phép kinh doanh.

++ Bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản.

++ Không đáp ứng được các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

++ Hoạt động kinh doanh bị kiểm soát đặc biệt bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan.

+ Từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 11 hàng năm, nhà tạo lập thị trường gửi Bộ Tài chính báo cáo về kết quả tham gia thị trường trong kỳ đánh giá từ ngày 01 tháng 11 năm liền kề đến ngày 31 tháng 10 năm hiện hành theo Mẫu số 03.

+ Căn cứ báo cáo của nhà tạo lập thị trường và cơ sở dữ liệu của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đánh giá điều kiện duy trì tư cách nhà tạo lập thị trường và công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đối với những nhà tạo lập thị trường không đáp ứng đủ điều kiện, Bộ Tài chính có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Bộ Tài chính;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Báo cáo về kết quả tham gia thị trường trong kỳ đánh giá từ ngày 01 tháng 11 năm liền kề đến ngày 31 tháng 10 năm hiện hành theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2018/NĐ-CP.

++ Báo cáo về những thay đổi phải báo cáo Bộ Tài chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Bộ Tài chính đánh giá điều kiện duy trì tư cách nhà tạo lập thị trường và công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đối với những nhà tạo lập thị trường không đáp ứng đủ điều kiện, Bộ Tài chính có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà tạo lập thị trường.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính công bố nhà tạo lập thị trường và có công văn thông báo cho doanh nghiệp trong trường hợp không đủ điều kiện.

- Phí, lệ phí: không.

- Tên mẫu đơn: Báo cáo năm của Nhà tạo lập thị trường.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Nhà tạo lập thị trường bị xem xét loại bỏ tư cách thành viên theo một trong các trường hợp sau:

+ Bị thu hồi hoặc bị rút Giấy phép kinh doanh;

+ Tạm ngừng kinh doanh, hoặc bị giải thể, phá sản;

+ Hoạt động kinh doanh bị kiểm soát đặc biệt theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Có đơn đề nghị không làm nhà tạo lập thị trường;

+ Không đáp ứng đủ điều kiện duy trì nhà tạo lập thị trường.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:



mẫu số 3 nđ 95 2017.docx

3. Thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung[10]

- Trình tự thực hiện:

(a) Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 01 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

+ Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp không hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, Bộ Tài chính có văn bản thông báo dừng việc xem xét hồ sơ.

+ Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì lấy ý kiến Bộ Nội vụ đối với các nội dung về quyền lợi, trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động và quy định tại Nghị định này; tổng hợp kết quả thẩm định để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

(b) Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

+ Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng:

++ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính.

++ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

+ Đối với trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

++ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và hồ sơ chứng minh doanh nghiệp tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính.

---

[10] Thay thế thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện căn cứ Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

++ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có).

++ Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tài liệu, doanh nghiệp phải hoàn thiện hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu. Quá thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp không hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, Bộ Tài chính có văn bản thông báo dừng việc xem xét hồ sơ.

++ Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì lấy ý kiến Bộ Nội vụ để xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

(c) Đối với điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

+ Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đến Bộ Tài chính.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính lấy ý kiến Bộ Nội vụ thẩm định, xem xét hồ sơ để điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Bộ Tài chính; hoặc

+ Thông qua dịch vụ bưu chính; hoặc

+ Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

(a) Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu.

++ Dự thảo Điều lệ quỹ đối với mỗi quỹ hưu trí dự kiến thành lập đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

++ Phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí:

+++ Kế hoạch hoạt động quản lý quỹ hưu trí trong 05 năm tiếp theo bao gồm: mô tả chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung dự kiến triển khai; nguyên tắc phối hợp, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý quỹ với các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP trong triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; phương án phát triển đối tượng tham gia.

+++ Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí,

chi trả cho người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, thanh toán thuế thu nhập cá nhân.

+++ Mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

+++ Quy trình quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

++ Tài liệu chứng minh có tối thiểu 05 người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

+++ Bản sao hợp đồng lao động (Bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu).

+++ Bản thông tin tóm tắt quá trình công tác của người lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nêu rõ quá trình công tác và mô tả công việc chính được giao đối với từng vị trí công tác).

+++ Bản sao các chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) hoặc các chứng chỉ chuyên môn tương đương khác ở nước ngoài.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(b) Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu.

++ Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (trừ trường hợp bị mất);

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Đối với trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

++ Dự thảo Điều lệ quỹ đối với mỗi quỹ hưu trí dự kiến thành lập đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

++ Phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí:

+++ Kế hoạch hoạt động quản lý quỹ hưu trí trong 05 năm tiếp theo bao gồm: mô tả chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung dự kiến triển khai; nguyên tắc phối hợp, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý quỹ với các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy

định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP trong triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; phương án phát triển đối tượng tham gia.

+++ Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí, chi trả cho người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, thanh toán thuế thu nhập cá nhân.

+++ Mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

+++ Quy trình quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

++ Tài liệu chứng minh có tối thiểu 05 người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

+++ Bản sao hợp đồng lao động (Bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu).

+++ Bản thông tin tóm tắt quá trình công tác của người lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nêu rõ quá trình công tác và mô tả công việc chính được giao đối với từng vị trí công tác).

+++ Bản sao các chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) hoặc các chứng chỉ chuyên môn tương đương khác ở nước ngoài.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(c) Đối với điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

+ Thành phần hồ sơ:

++ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo mẫu, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh.

++ Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp lần gần nhất.

++ Bản sao các tài liệu chứng minh nội dung đề nghị điều chỉnh.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

(a) Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung: Trong vòng 05 ngày làm việc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về hồ sơ cần bổ sung (nếu có) và trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(b) Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung

Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp lại

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Đối với trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh: Trong vòng 05 ngày làm việc có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về hồ sơ cần bổ sung (nếu có) và trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(c) Đối với điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn có nhu cầu trở thành tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Vụ Các định chế tài chính – Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc Giấy điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc có công văn thông báo cho doanh nghiệp trong trường hợp từ chối.

- Phí, lệ phí: không.

- Tên mẫu đơn:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung (trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) theo quy định tại mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung (trường hợp bị mất hoặc hư hỏng) theo quy định tại mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

+ Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Là doanh nghiệp thành lập hợp pháp tại Việt Nam được phép hoạt động trong các lĩnh vực: Quản lý quỹ, bảo hiểm nhân thọ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đáp ứng được các điều kiện sau:

++ Đối với công ty quản lý quỹ phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; tổng giá trị tài sản quản lý tại báo cáo tài chính

và báo cáo hoạt động năm gần nhất của công ty quản lý quỹ tối thiểu là 1.000 tỷ đồng; đang hoạt động quản lý tối thiểu 02 quỹ đại chúng, trong đó có tối thiểu 01 quỹ trái phiếu.

++ Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải đáp ứng đủ điều kiện triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí và thực hiện quản lý quỹ hưu trí theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

+ Có dự thảo Điều lệ quỹ đối với mỗi quỹ hưu trí dự kiến thành lập đáp ứng quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

+ Có phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí gồm những nội dung cơ bản sau:

++ Kế hoạch hoạt động quản lý quỹ hưu trí trong 05 năm tiếp theo bao gồm: mô tả chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung dự kiến triển khai; nguyên tắc phối hợp, trách nhiệm của doanh nghiệp quản lý quỹ với các tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP trong triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; phương án phát triển đối tượng tham gia.

++ Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí, thuế, tiền phạt và chi trả các đối tượng liên quan.

++ Có mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

++ Quy trình quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.

+ Có tối thiểu 05 người lao động có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quản lý quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Trong đó phải có tối thiểu 03 nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) hoặc các chứng chỉ chuyên môn tương đương khác ở nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:


mẫu số 1 nđ 85 2026.docx


mẫu số 2 nđ 85 2026.docx


mẫu số 3 nđ 85 2026.docx